

## CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành/chuyên ngành: Dược học

Mã số: 7720201

## ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

### 1. Thông tin chung về học phần

1.1. Tên học phần: Pháp luật đại cương

Mã học phần: GLL0031

1.2. Số tín chỉ: 2 ( 2 LT/ 0 TH)

1.3. Loại học phần (bắt buộc/lựa chọn): Bắt buộc

1.4. Điều kiện tham gia học phần:

- Học phần tiên quyết:
- Học phần học trước:
- Học phần song hành:

1.5. Các giảng viên phụ trách HP:

- Giảng viên phụ trách chính: Ths. Phạm Thái Anh
- Các giảng viên cùng giảng dạy: Ths. Nguyễn Thị Việt Hà

### 2. Mô tả học phần *(vị trí, vai trò của học phần đối với CTĐT, những mục đích và nội dung chính yếu của học phần)*

Học phần Pháp luật đại cương nghiên cứu các khái niệm, các phạm trù chung cơ bản nhất về Nhà nước và pháp luật dưới góc độ của khoa học quản lý. Trên cơ sở đó học phần đi vào phân tích: Cấu trúc của bộ máy Nhà nước. chức năng, thẩm quyền và địa vị pháp lý của các cơ quan trong bộ

máy Nhà nước CHXHCN Việt Nam; Tính chất pháp lý và cơ cấu của hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật, trình tự và thẩm quyền ban hành các văn bản quy phạm pháp luật ở Việt Nam

### 3. Mục tiêu học phần (Course Objectives – COs)

(Mục tiêu của học phần, thể hiện sự tương quan với các chủ đề CDR của CTĐT (PLOs) và trình độ năng lực được phân bổ cho học phần)

**Bảng 1: Mục tiêu của học phần thể hiện sự tương quan với các chủ đề CDR của CTĐT (PLOs) và trình độ năng lực được phân bổ cho học phần**

| TT<br>Mục tiêu<br>(COs) | Mô tả mục tiêu học phần                                                                                                                         | Đáp ứng CDR của<br>CTĐT(PLOs) | Trình<br>độ năng<br>lực |
|-------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------|-------------------------|
| <b>CO1</b>              | Trình bày được các khái niệm cơ bản về Nhà nước, pháp luật và mối quan hệ giữa chúng trong hệ thống chính trị Việt Nam.                         | PLO1                          | 3/6                     |
| <b>CO2</b>              | Phân tích được cấu trúc bộ máy Nhà nước, chức năng, thẩm quyền và địa vị pháp lý của các cơ quan trong hệ thống chính trị nước CHXHCN Việt Nam. | PLO2                          | 3/6                     |
| <b>CO3</b>              | Trình bày được cấu trúc, trình tự và thẩm quyền ban hành các văn bản quy phạm pháp luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam.                      | PLO1.PLO11                    | 3/6                     |
| <b>CO4</b>              | Vận dụng kiến thức pháp luật cơ bản để nhận diện được một số tình huống vi phạm pháp luật phổ biến liên quan đến lĩnh vực y dược.               | PLO11                         | 3/6                     |

### 4. Chuẩn đầu ra học phần (Course Learning Outcomes – CLOs))

**Bảng 2: Mô tả CDR của học phần Pháp luật đại cương đáp ứng chuẩn đầu ra với ngành Dược học**

|                                                                                    |                                          |
|------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------|
| PLOs ngành Dược học phân nhiệm cho HP <b>Pháp luật đại cương</b><br>: PLO5,9,11,12 | CLOs học phần <b>Pháp luật đại cương</b> |
|------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------|

| Ký hiệu | Mô tả                                                                                                                                                                                                                                       | Trình độ năng lực | Ký hiệu | Mô tả                                                                                                                                                  | Mức độ giảng dạy (I, T, U) | Trình độ năng lực | Chương HP đảm nhận |
|---------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|---------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|-------------------|--------------------|
| PLO5    | <b>Vận dụng kiến thức pháp luật và đạo đức nghề nghiệp trong hành nghề Dược.</b><br>→ Học phần cung cấp nền tảng kiến thức luật pháp, giúp sinh viên nhận thức rõ quyền, nghĩa vụ và tuân thủ pháp luật trong lĩnh vực Y Dược.              | 3/6               | CLO1    | Trình bày được những khái niệm, bản chất, vai trò của Nhà nước và pháp luật; mối quan hệ giữa pháp luật và đạo đức trong đời sống và nghề nghiệp Dược. | ITU                        | 3/6               | 1-7                |
| PLO9    | <b>Thực hiện đúng quy định pháp luật và các nguyên tắc đạo đức nghề nghiệp trong hành nghề Dược.</b> Từ nền tảng lý luận pháp luật, sinh viên có thể ý thức và tuân thủ các chuẩn mực hành vi pháp lý – đạo đức trong hành nghề.            | 3/6               | CLO3    | Nhận biết và vận dụng được những quy định pháp luật cơ bản có liên quan đến hành nghề Dược trong thực tiễn nghề nghiệp.                                | ITU                        | 3/6               | 1-7                |
| PLO11   | <b>Thể hiện tinh thần trách nhiệm, tác phong chuyên nghiệp và khả năng làm việc độc lập hoặc theo nhóm.</b> Khi được trang bị hiểu biết về pháp luật, sinh viên nâng cao ý thức công dân, trách nhiệm nghề nghiệp và hành xử chuyên nghiệp. | 4/5               | CLO4    | Có ý thức tôn trọng pháp luật, tác phong chuyên nghiệp và trách nhiệm công dân trong học tập và thực hành nghề nghiệp, tự chủ, trách nhiệm xã hội      | ITU                        | 4/5               | 1-7                |
| PLO12   | <b>Tuân thủ pháp luật, chính sách Nhà nước và có trách nhiệm công dân.</b> Học phần đóng vai trò quan trọng trong việc hình thành nền tảng tư tưởng pháp                                                                                    | 4/5               | CLO5    | Thể hiện được ý thức tôn trọng, tuân thủ pháp luật, tác phong chuyên nghiệp và trách nhiệm công dân trong                                              | TU                         | 4/5               | 1-7                |

|  |                                                                       |  |  |                                   |  |  |  |
|--|-----------------------------------------------------------------------|--|--|-----------------------------------|--|--|--|
|  | lý, từ đó nuôi dưỡng ý thức công dân và tuân thủ chính sách Nhà nước. |  |  | học tập và thực hành nghề nghiệp. |  |  |  |
|--|-----------------------------------------------------------------------|--|--|-----------------------------------|--|--|--|

**Bảng 3: Ma trận đóng góp của các bài giảng cho việc đạt CDR học phần**

| <b>PLOs được phân nhiệm</b>                                                                  | <b>PLO5</b> | <b>PLO9</b> | <b>PLO11, PLO12-Năng lực tự chủ- Tự chủ TN</b> |   |
|----------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|-------------|------------------------------------------------|---|
| <div style="text-align: center;">CLOs</div> <div style="text-align: center;">Bài giảng</div> | CLO1        | CLO3        | CLO4, CLO5                                     |   |
|                                                                                              | 1           | 2           | 4                                              | 5 |
|                                                                                              |             |             |                                                |   |
| Chương 1: Nhà nước và Nhà nước XHCN Việt Nam:                                                | X           | X           | X                                              | X |
| Chương 2: Pháp luật và pháp luật xã hội chủ nghĩa                                            | X           | X           | X                                              | X |
| Chương 3: Luật Nhà nước (Luật Hiến Pháp)                                                     | X           | X           | X                                              | X |
| Chương 4: Luật Hành Chính                                                                    | X           | X           | X                                              | X |
| Chương 5: Luật dân sự và luật tố tụng dân sự                                                 | X           | X           | X                                              | X |
| Chương 6: Luật hình sự và tố tụng hình sự                                                    | X           | X           | X                                              | X |
| Chương 7: Luật hôn nhân và gia đình                                                          | X           | X           | X                                              | X |

**5. Đánh giá học phần** (các thành phần, các bài đánh giá và tỉ lệ đánh giá, thể hiện sự tương quan với các CDR của học phần)

**Bảng 3. Đánh giá học phần**

| Thành phần đánh giá                         | Bài đánh giá                                                | CDR HP được đánh giá (CLOs) | Trọng số (tỉ lệ %) | Hình thức đánh giá               | Thời điểm đánh giá           |
|---------------------------------------------|-------------------------------------------------------------|-----------------------------|--------------------|----------------------------------|------------------------------|
| <b>A1. Đánh giá quá trình</b>               |                                                             |                             | 50                 |                                  |                              |
| <b>A1.1. Sự chuyên cần, thái độ học tập</b> |                                                             |                             | 20                 |                                  |                              |
| Sự chuyên cần                               | Tham gia đầy đủ các buổi học trên lớp                       | CLO4,5                      |                    | Điểm danh trên lớp               | Các buổi học                 |
| Thái độ học tập                             | Thực hiện tích cực các hoạt động trên lớp và bài tập về nhà | CLO4,5                      |                    | Thông qua các hoạt động trên lớp | Các buổi học                 |
| <b>A1.2. Kiểm tra định kỳ</b>               |                                                             |                             | 30                 |                                  |                              |
|                                             | Bài kiểm tra 1                                              | CLO1,2                      | 30                 | Tự luận                          |                              |
|                                             | Bài kiểm tra 2                                              | CLO1,2,3,4,                 |                    | Tự luận                          |                              |
| <b>A2. Đánh giá cuối kỳ</b>                 |                                                             |                             | 50                 |                                  |                              |
|                                             | Thi cuối kỳ                                                 | CLO1,2,3,4,5                | 50                 | Tự luận                          | Theo lịch thi của phòng QLĐT |

**Bảng 5. Ma trận tương thích giữa các bài đánh giá với CDR học phần**

| CLO s<br>Bài ĐG | Kiến thức chung |          | Kỹ năng chung | NL tự chủ và TN |   |
|-----------------|-----------------|----------|---------------|-----------------|---|
|                 | 1               | 2        | 3             | 4               | 5 |
|                 |                 |          |               |                 |   |
| <b>A1.1</b>     | <b>X</b>        | <b>X</b> | <b>X</b>      |                 |   |

|             |          |          |          |  |  |
|-------------|----------|----------|----------|--|--|
| <b>A1.2</b> | <b>X</b> | <b>X</b> | <b>X</b> |  |  |
| <b>A2</b>   | <b>X</b> | <b>X</b> | <b>X</b> |  |  |

**6. Nội dung và kế hoạch giảng dạy** (các nội dung giảng dạy lí thuyết và thực hành thể hiện sự tương quan với các CĐR và các bài đánh giá học phần

**Bảng 6. Nội dung và kế hoạch giảng dạy học phần**

| <b>TT</b>  | <b>Các nội dung cơ bản của Chương mục</b>                                                                                                                                                                              | <b>Số tiết (LT/TH/T)</b> | <b>Đáp ứng CĐR nào của HP (CLO)</b> | <b>PP giảng dạy</b>          | <b>Hoạt động học của SV</b>                                                                                                                      | <b>Bài đánh giá</b> |
|------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------|-------------------------------------|------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|
| <i>(1)</i> | <i>(2)</i>                                                                                                                                                                                                             | <i>(3)</i>               | <i>(4)</i>                          | <i>(4)</i>                   | <i>(6)</i>                                                                                                                                       | <i>(7)</i>          |
| 1          | Chương 1: Nhà nước và Nhà nước XHCN Việt Nam:<br>1. Nguồn gốc, bản chất, hình thức Nhà nước;<br>2. Bản chất, chức năng của Nhà nước CHXHCN VN<br>3. Cơ cấu tổ chức và nguyên tắc hoạt động của bộ máy CHXHCN Việt Nam. | 4                        | CLO1, 3,4,5                         | Trình bày, phát vấn, hỏi đáp | - Mang theo tài liệu học tập, vở ghi chép/<br>- Đọc trước tài liệu và tóm tắt nội dung chính, lắng nghe<br>- Sẵn sàng trình bày khi được yêu cầu | A1                  |
| 2          | Chương 2: Pháp luật và pháp luật xã hội chủ nghĩa<br>2.1. Nguồn gốc, bản chất của pháp luật<br>2.2. Bản chất, vai trò của pháp luật Nhà nước CHXHCN<br>2.3. Quy phạm pháp luật.                                        | 5                        | CLO1, 3,4,5                         | Trình bày, phát vấn, Thảo    | - Mang theo tài liệu học tập, vở ghi chép/<br>- Đọc trước tài liệu và tóm tắt nội dung chính, lắng nghe                                          | A1                  |

| <b>TT</b> | <b>Các nội dung cơ bản của Chương mục</b>                                                                                                      | <b>Số tiết (LT/TH/T)</b> | <b>Đáp ứng CDR nào của HP (CLO)</b> | <b>PP giảng dạy</b>                                | <b>Hoạt động học của SV</b>                                                                                                                      | <b>Bài đánh giá</b> |
|-----------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------|-------------------------------------|----------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|
|           | 2.4. Quan hệ pháp luật<br>2.5. Vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý<br>2.6. Pháp chế xã hội chủ nghĩa<br>2.7. Hệ thống pháp luật           |                          |                                     | luận, đàm thoại                                    | - Sẵn sàng trình bày khi được yêu cầu                                                                                                            |                     |
| 3         | Chương 3: Luật Nhà nước (Luật Hiến Pháp)<br>3.1. Khái niệm luật Nhà nước<br>3.2. Một số nội dung cơ bản của hiến pháp 1992                     | 4                        | CLO1, 3,4,5                         | Trình bày, phát vấn, hỏi đáp, đàm thoại, Thảo luận | - Mang theo tài liệu học tập, vở ghi chép/<br>- Đọc trước tài liệu và tóm tắt nội dung chính, lắng nghe<br>- Sẵn sàng trình bày khi được yêu cầu | A1<br>A1.1          |
| 4         | Chương 4: Luật Hành Chính<br>4.1. Khái niệm luật hành chính cơ quan hành chính Nhà nước<br>4.2. Vi phạm hành chính và xử lý vi phạm hành chính | 3                        | CLO1, 3,4,5                         | Trình bày, phát vấn, hỏi đáp, đàm thoại,           | - Mang theo tài liệu học tập, vở ghi chép/<br>- Đọc trước tài liệu và tóm tắt nội dung chính, lắng nghe<br>- Sẵn sàng trình bày khi được yêu cầu | A1<br>A1.1          |

| <b>TT</b> | <b>Các nội dung cơ bản của Chương mục</b>                                                    | <b>Số tiết (LT/TH/T)</b> | <b>Đáp ứng CDR nào của HP (CLO)</b> | <b>PP giảng dạy</b>                                | <b>Hoạt động học của SV</b>                                                                                                                      | <b>Bài đánh giá</b> |
|-----------|----------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------|-------------------------------------|----------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|
|           |                                                                                              |                          |                                     | Thảo luận                                          |                                                                                                                                                  |                     |
| 5         | Chương 5: Luật dân sự và luật tố tụng dân sự<br>5.1. Luật dân sự<br>5.2. Luật tố tụng dân sự | 5                        | CLO1, 3,4,5                         | Trình bày, phát vấn, hỏi đáp, đàm thoại, Thảo luận | - Mang theo tài liệu học tập, vở ghi chép/<br>- Đọc trước tài liệu và tóm tắt nội dung chính, lắng nghe<br>- Sẵn sàng trình bày khi được yêu cầu | A1<br>A1.1          |
| 6         | Chương 6: Luật hình sự và tố tụng hình sự<br>6.1. Luật hình sự<br>6.2. Luật tố tụng hình sự  | 5                        | CLO1, 3,4,5                         | Trình bày, phát vấn, hỏi đáp, đàm thoại, Thảo luận | - Mang theo tài liệu học tập, vở ghi chép/<br>- Đọc trước tài liệu và tóm tắt nội dung chính, lắng nghe<br>- Sẵn sàng trình bày khi được yêu cầu | A1<br>A1.1          |

| TT | Các nội dung cơ bản của Chương mục                                                                                                                                      | Số tiết (LT/TH/T) | Đáp ứng CDR nào của HP (CLO) | PP giảng dạy                            | Hoạt động học của SV                                                                                                                             | Bài đánh giá |
|----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|------------------------------|-----------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------|
| 7  | Chương 7: Luật hôn nhân và gia đình<br>7.1. Khái niệm luật hôn nhân và gia đình, quan hệ hôn nhân và gia đình<br>7.2. Một số chế định cơ bản của luật hôn nhân gia đình | 4                 | CLO1, 3,4,5                  | Trình bày, phát vấn, hỏi đáp, đàm thoại | - Mang theo tài liệu học tập, vở ghi chép/<br>- Đọc trước tài liệu và tóm tắt nội dung chính, lắng nghe<br>- Sẵn sàng trình bày khi được yêu cầu | A1<br>A1.1   |
|    | Tổng                                                                                                                                                                    | 30                |                              |                                         |                                                                                                                                                  |              |

## 7. Học liệu học tập

**Bảng 7. Sách, giáo trình, tài liệu tham khảo**

| TT | Tên tác giả                           | Năm XB | Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản               | NXB, tên tạp chí/ nơi ban hành VB |
|----|---------------------------------------|--------|----------------------------------------------------------|-----------------------------------|
|    | <b>Giáo trình chính</b>               |        |                                                          |                                   |
| 1  | Khoa luật<br>Đại học Kinh tế Quốc dân | 2008   | <i>Giáo trình Pháp luật đại cương</i>                    | NXB ĐH KTQD                       |
| 2  | Khoa luật ĐHQG                        | 2008   | <i>Giáo trình Lý luận chung về Nhà nước và pháp luật</i> | NXB ĐHQG HN                       |

|   |                                   |      |                                                               |                       |
|---|-----------------------------------|------|---------------------------------------------------------------|-----------------------|
|   | <b>Sách, giáo trình tham khảo</b> |      |                                                               |                       |
| 2 | Trường ĐH Luật Hà Nội             | 2002 | <i>Giáo trình Luật hình sự, Luật Dân sự, Luật Hành chính.</i> | NXB Công an nhân dân. |

**Bảng 8. Danh mục địa chỉ website để tham khảo khi học học phần**

| TT | Nội dung tham khảo            | Link trang web                                                                                                                                                              | Ngày cập nhật    |
|----|-------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------|
| 1  | Nhà nước và pháp luật là gì ? | <a href="https://snv.bacgiang.gov.vn/chi-tiet-tin-tuc/-/asset_publisher/aRIn3er4plGA/co">https://snv.bacgiang.gov.vn/chi-tiet-tin-tuc/-/asset_publisher/aRIn3er4plGA/co</a> | Tháng 7 năm 2021 |
| 2  | Pháp luật đại cương là gì ?   | <a href="https://snv.bacgiang.gov.vn/chi-tiet-tin-tuc/-/asset_publisher/aRIn3er4plGA/co">https://snv.bacgiang.gov.vn/chi-tiet-tin-tuc/-/asset_publisher/aRIn3er4plGA/co</a> | Tháng 7 năm 2021 |

## 8. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy

**Bảng 9. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy học phần**

| TT | Tên giảng đường, PTN, xưởng, cơ sở TH | Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ TN,TH |          | Phục vụ cho nội dung Bài học/Chương |
|----|---------------------------------------|-------------------------------------------------------|----------|-------------------------------------|
|    |                                       | Tên thiết bị, dụng cụ, phần mềm...                    | Số lượng |                                     |
| 1  | Giảng đường C                         | Máy chiếu, bảng, Các Slide, bài giảng...              |          | Bài 1,2,3,4,,5,6,7,8,9,10           |

**9. Các Rubric đánh giá kết quả học tập** (Có file các rubric ứng với từng PP đánh giá để Thầy Cô tham khảo. Thầy Cô có thể tự xây dựng rubric hoặc điều chỉnh file đã có để phù hợp với PP đánh giá lựa chọn).

### Rubric 1: Chuyên cần (Class Attendace)

| Tiêu chí đánh giá | Mức độ đạt chuẩn quy định           |                                                                                     |                                                                                         |                                                                                                        |                                                                                                                       |          |
|-------------------|-------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
|                   | Mức F (0-3.9)                       | MỨC D (4.0-5.4)                                                                     | MỨC C (5.5-6.9)                                                                         | MỨC B (7.0-8.4)                                                                                        | MỨC A (8.5-10)                                                                                                        | Trọng số |
| Chuyên cần        | Không đi học (<30%)                 | Đi học không chuyên cần (<50%)                                                      | Đi học khá chuyên cần (<70%)                                                            | Đi học chuyên cần (<90%)                                                                               | Đi học đầy đủ, rất chuyên cần (100%)                                                                                  | 50%      |
| Đóng góp tại lớp  | Không tham gia hoạt động gì tại lớp | Hiếm khi tham gia phát biểu, đóng góp cho bài học tại lớp. Đóng góp không hiệu quả. | Thỉnh thoảng tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến tại lớp. Phát biểu ít khi có hiệu quả. | Thường xuyên phát biểu và trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp cho bài học là hiệu quả. | Tham gia tích cực các hoạt động tại lớp: phát biểu, trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp rất hiệu quả. | 50%      |

#### Rubric 2: Thuyết trình (Oral Presentation)

| Tiêu chí đánh giá | Mức độ đạt chuẩn quy định                                  |                                                                   |                                                                    |                                                                                         |                                                                                                                                        |          |
|-------------------|------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
|                   | Mức F (0-3.9)                                              | MỨC D (4.0-5.4)                                                   | MỨC C (5.5-6.9)                                                    | MỨC B (7.0-8.4)                                                                         | MỨC A (8.5-10)                                                                                                                         | Trọng số |
| Nội dung báo cáo  | Không có nội dung hoặc nội dung không phù hợp với yêu cầu. | Nội dung phù hợp với yêu cầu, hình ảnh và giải thích chưa rõ ràng | Nội dung phù hợp với yêu cầu. Sử dụng thuật ngữ đơn giản, dễ hiểu. | Nội dung phù hợp với yêu cầu. Sử dụng thuật ngữ đơn giản, dễ hiểu. Hình ảnh minh họa rõ | Nội dung phù hợp với yêu cầu. Sử dụng thuật ngữ đơn giản, dễ hiểu. Hình ảnh minh họa rõ ràng, đẹp, phong phú. Có sử dụng video và giải | 50%      |

|                 |                                                                                                                                          |                                                                                                                                                  |                                                                                                                                                                                                                       |                                                                                                                                                                                                                                          |                                                                                                                                                                                                                                      |     |
|-----------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|
|                 |                                                                                                                                          |                                                                                                                                                  | Hình ảnh minh họa rõ ràng, đẹp                                                                                                                                                                                        | ràng, đẹp, phong phú. Có sử dụng video                                                                                                                                                                                                   | thích cụ thể, biết thiết kế trên video                                                                                                                                                                                               |     |
| Trình bày slide | Slide trình bày quá sơ sài, không đủ số lượng theo quy định                                                                              | Slide trình bày với số lượng phù hợp, sử dụng từ ngữ và hình ảnh rõ                                                                              | Slide trình bày với bố cục logic, rõ ràng, gồm 3 phần (introduction, body and conclusion)                                                                                                                             | Slide trình bày với bố cục logic, rõ ràng, gồm 3 phần, thể hiện sự thành thạo trong trình bày                                                                                                                                            | Slide trình bày với bố cục logic, rõ ràng, gồm 3 phần. Thuật ngữ sử dụng đơn giản dễ hiểu. Thể hiện sự thành thạo trong trình bày và ngôn ngữ.                                                                                       | 25% |
| Thuyết trình    | Trình bày không logic, vượt quá thời gian quy định. Sử dụng thuật ngữ không đúng, phát âm không rõ, giọng nói nhỏ. Người nghe không hiểu | Bài trình bày đầy đủ. Giọng nói nhỏ, phát âm còn một số từ không rõ, sử dụng thuật ngữ phức tạp, chưa có tương tác với người nghe khi trình bày. | Phần trình bày có bố cục 3 phần rõ ràng. Giọng nói vừa phải, rõ ràng, dễ nghe, thời gian trình bày đúng quy định, thỉnh thoảng có tương tác với người nghe. Người nghe có thể hiểu và kịp theo dõi nội dung trình bày | Phần trình bày ngắn gọn, dễ hiểu. Sử dụng các thuật ngữ đơn giản, dễ hiểu. Bố cục rõ ràng. Giọng nói rõ ràng, lưu loát. Thời gian trình bày đúng quy định. Tương tác tốt với người nghe. Người nghe có thể hiểu được nội dung trình bày. | Phần trình bày ngắn gọn. Bố cục rõ ràng. Giọng nói rõ ràng, lưu loát. Thu hút sự chú ý của người nghe, tương tác tốt với người nghe. Người nghe có thể hiểu và theo kịp tất cả nội dung trình bày. Thời gian trình bày đúng quy định | 25% |

**Rubric 3: Làm việc nhóm (Teamwork Assessment)**

| <b>Tiêu chí đánh giá</b>            | <b>Mức độ đạt chuẩn quy định</b>                    |                                                                                             |                                                                                                                        |                                                                                  |                                                                                                                                                               | <b>Trọng số</b> |
|-------------------------------------|-----------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|
|                                     | <b>Mức F (0-3.9)</b>                                | <b>MỨC D (4.0-5.4)</b>                                                                      | <b>MỨC C (5.5-6.9)</b>                                                                                                 | <b>MỨC B (7.0-8.4)</b>                                                           | <b>MỨC A (8.5-10)</b>                                                                                                                                         |                 |
| <b>Tổ chức nhóm</b>                 | Không có sự làm việc nhóm                           | Trách nhiệm và nhiệm vụ công việc của các thành viên trong nhóm không được phân công cụ thể | Mỗi thành viên có nhiệm vụ công việc riêng nhưng không rõ ràng và không phù hợp với khả năng của thành viên trong nhóm | Nhiệm vụ công việc rõ ràng và phù hợp với khả năng của mỗi thành viên trong nhóm | Nhiệm vụ công việc của mỗi thành viên rõ ràng, cụ thể, phù hợp. Phát huy thế mạnh của các thành viên trong nhóm. Tương tác, phối hợp tốt giữa các thành viên. | 30%             |
| Tham gia làm việc nhóm (chuyên cần) | <30%                                                | <50%                                                                                        | <70%                                                                                                                   | <90%                                                                             | 100% (Tham gia đầy đủ các buổi họp, thảo luận của nhóm)                                                                                                       | 20%             |
| <b>Thảo luận</b>                    | Không bao giờ tham gia vào việc thảo luận của nhóm. | Hiếm khi tham gia vào thảo luận nhóm và đóng góp ý kiến                                     | Thỉnh thoảng tham gia thảo luận nhóm và đóng góp ý kiến                                                                | Thường xuyên tham gia thảo luận nhóm và đóng góp ý kiến hay                      | Luôn tham gia thảo luận nhóm và đóng góp ý kiến hay, hiệu quả cho các hoạt động của nhóm                                                                      | 30%             |
| <b>Phối hợp nhóm</b>                | Không bao giờ phối hợp, hợp tác với nhóm            | Hiếm khi hợp tác, phối hợp làm việc nhóm                                                    | Hợp tác, phối hợp với nhóm. Thỉnh thoảng tôn trọng và chia sẻ kinh nghiệm                                              | Hợp tác, phối hợp với nhóm. Thường xuyên tôn trọng và chia sẻ kinh               | Hợp tác, phối hợp với nhóm. Luôn luôn tôn trọng và chia sẻ kinh                                                                                               | 20%             |

| Tiêu chí đánh giá | Mức độ đạt chuẩn quy định |                 |                                 |                                        |                                        |          |
|-------------------|---------------------------|-----------------|---------------------------------|----------------------------------------|----------------------------------------|----------|
|                   | Mức F (0-3.9)             | MỨC D (4.0-5.4) | MỨC C (5.5-6.9)                 | MỨC B (7.0-8.4)                        | MỨC A (8.5-10)                         | Trọng số |
|                   |                           |                 | từ các thành viên khác của nhóm | nghiệm từ các thành viên khác của nhóm | nghiệm từ các thành viên khác của nhóm |          |

**Rubric 4: Bài tập (Work Assignment)**

| Tiêu chí đánh giá | Mức độ đạt chuẩn quy định                                                           |                                                                                     |                                                                                                |                                                                                            |                                                                                                   |          |
|-------------------|-------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
|                   | Mức F (0-3.9)                                                                       | MỨC D (4.0-5.4)                                                                     | MỨC C (5.5-6.9)                                                                                | MỨC B (7.0-8.4)                                                                            | MỨC A (8.5-10)                                                                                    | Trọng số |
| Nộp bài tập       | Không nộp bài tập                                                                   | Nộp bài tập 70% số lượng bài tập được giao. Chưa đúng thời gian quy định.           | Nộp bài tập đầy đủ (100% số lượng được giao). Một số bài tập nộp chưa đúng thời gian quy định  | Nộp bài tập đầy đủ (100% số lượng được giao). Hầu hết bài tập nộp đúng thời gian quy định. | Nộp bài tập đầy đủ (100% số lượng được giao). Đúng thời gian quy định.                            | 20%      |
| Trình bày bài tập | Không có bài tập   Bài tập trình bày lộn xộn, không đúng yêu cầu về trình bày (font | Không có bài tập   Bài tập trình bày lộn xộn, không đúng yêu cầu về trình bày (font | Bài tập trình bày đúng yêu cầu (font chữ, cỡ chữ, giãn dòng). Lý luận, bảng biểu sử dụng trong | Bài tập trình bày đẹp, đầy đủ, đúng yêu cầu (font chữ, cỡ chữ, giãn dòng). Lập luận        | Bài tập trình bày đẹp, đầy đủ, đúng yêu cầu (font chữ, cỡ chữ, giãn dòng). Lập luận logic sử dụng | 30%      |

| Tiêu chí đánh giá | Mức độ đạt chuẩn quy định                                                    |                                                                              |                                                                                                          |                                                                                     |                                                                                                                             |          |
|-------------------|------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
|                   | Mức F (0-3.9)                                                                | MỨC D (4.0-5.4)                                                              | MỨC C (5.5-6.9)                                                                                          | MỨC B (7.0-8.4)                                                                     | MỨC A (8.5-10)                                                                                                              | Trọng số |
|                   | chữ, cỡ chữ, giãn dòng). Lý luận, bảng biểu sử dụng trong bài không phù hợp. | chữ, cỡ chữ, giãn dòng). Lý luận, bảng biểu sử dụng trong bài không phù hợp. | bài rõ ràng, phù hợp. Còn một số lỗi nhỏ về trình bày (lỗi chính tả, nhầm lẫn ghi chú)                   | sử dụng trong bài tập rõ ràng, hợp lý. Ghi chú, giải thích đầy đủ, hợp lý           | trong bài tập rõ ràng, khoa học. Ghi chú, giải thích cụ thể, hợp lý.                                                        |          |
| Nội dung bài tập  | Không có bài tập                                                             | Nội dung bài tập không đầy đủ, một số không đúng theo yêu cầu nhiệm vụ.      | Nội dung bài tập đầy đủ, đúng với yêu cầu nhiệm vụ nhưng chưa hợp lý. Còn một số sai sót trong tính toán | Nội dung bài tập đầy đủ, hợp lý, đúng theo yêu cầu nhiệm vụ. Lập luận đúng, rõ ràng | Nội dung bài tập đầy đủ, hợp lý, đúng theo yêu cầu nhiệm vụ. Lập luận chứng cứ logic, chi tiết và rõ ràng, hoàn toàn hợp lý | 50%      |

Hải Dương, ngày... tháng... năm 2021

**Trưởng khoa**

(Đã ký)

**PGS.TSKH. Phùng Đức Cam**

**Người biên soạn**

(Đã ký)

**Ths. Phạm Thái Anh**